

Bản án số: 93/2023/DS-PT
Ngày 03 - 3 - 2023
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 01 và 03 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 266/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 357/2022/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1559/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc S, sinh năm 1981. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu T2, sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ: đường B, Phường 28, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Minh T3, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: đường Ng, Phường 3, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Phạm Văn B, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Khu phố 4A, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Phạm Thị Ngọc D, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Khu phố 1, phường H, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ông Phạm Ngọc C, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Khu phố 3, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1972.

Địa chỉ: khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.5. Bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1), sinh năm 1967.

Địa chỉ: Barnhurst Dr San Diego, California 92117, USA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B, bà D, ông C, bà H, bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1): Ông Nguyễn Thế C, sinh năm 1983. (có mặt)

Địa chỉ: đường B, Phường 28, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.6. Ông Phạm Văn L, sinh năm 1958;

Địa chỉ: khu phố 3, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.7. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8. Ông Phạm Văn T1, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L, ông T, ông T1: Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1965. (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.9. Bà Nguyễn Thiên K, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.10. Trẻ Phạm Ngọc Tuấn A, sinh ngày 07/02/2014.

3.11. Trẻ Phạm Ngọc Thiên Ng, sinh ngày 02/4/2016.

Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp cho trẻ Phạm Ngọc Tuấn A và trẻ Phạm Ngọc Thiên Ng: Ông Phạm Ngọc S, sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thiên K, sinh năm 1982. (có mặt ông S)

Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Ông Phạm Văn Q là bị đơn; ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

5. Người kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Phạm Ngọc S có người đại diện ủy quyền ông Trần Hữu T2 trình bày:

Cha của ông S là ông Phạm Văn Tr, sinh năm 1935, chết năm 2000.

Mẹ của ông S là bà Trần Thị T, sinh năm 1936 chết năm 2012.

Ông nội ông S là ông Phạm Văn H2, sinh năm 1893, chết năm 1981, không có giấy chứng tử.

Bà nội ông S là bà Trần Thị Ch, sinh năm 1906, chết năm 1955, không có giấy chứng tử.

Ông ngoại ông S là ông Trần Văn M, sinh năm 1889, chết năm 1946, không có giấy chứng tử.

Bà ngoại ông S là bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1889, chết năm 1979, không có giấy chứng tử.

Trong quá trình chung sống, ông Tr và bà T có 10 người con chung gồm: Ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Ngọc D, ông Phạm Ngọc C, ông Phạm Văn Q, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Ngọc S, bà Lily NgọcH1 Luu (Phạm Ngọc H1). Ngoài ra ông Tr và bà T không có con riêng, con nuôi nào khác.

Trong thời kỳ hôn nhân ông Tr và bà T có tạo lập được khối tài sản chung, hiện nay còn lại gồm:

- Nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 3 (hiện nay là khu phố 4), phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa Số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; nhà ở diện tích xây dựng 195,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Tr và bà T.

- Diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004 - 2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T và những người thừa kế của ông Tr.

Ngày 20/6/2000, cha của ông S là ông Tr chết, không để lại di chúc các tài sản nêu trên cho ai. Ngày 06/9/2012, bà T mẹ ông S lập di chúc để lại toàn bộ phần tài sản của bà T trong hai tài sản chung nêu trên cho ông S gồm:

- Phần tài sản của bà T trong khối tài sản chung của ông Tr và bà T là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 44-4, tờ bản đồ 9A, tọa lạc tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phần tài sản của bà T trong khối tài sản chung của bà T và những người thừa kế của ông Tr là thửa đất số 516, tờ bản đồ số 04 (Theo tài liệu năm 2004-2005) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 22/11/2012, mẹ của ông S là bà T chết.

Hiện tại ông S đang quản lý hai tài sản nêu trên. Bản chính giấy chứng nhận nhà đất hai tài sản nêu trên ông S đang giữ.

Nguyên đơn ông S khởi kiện yêu cầu chia di sản của bà T theo di chúc, chia di sản của ông Tr theo pháp luật, cụ thể như sau:

- Xác định người thừa kế của ông Phạm Văn Tr, bà Trần Thị T:

+ Người thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Văn Tr gồm: Bà Trần Thị T, ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Ngọc D, ông Phạm Ngọc C, ông Phạm Văn Q, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Ngọc S, bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1).

+ Người thừa kế theo di chúc của bà Trần Thị T: Ông Phạm Ngọc S.

- Di sản thừa kế của ông Phạm Văn Tr, bà Trần Thị T chết để lại gồm:

+ Nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng 195,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Tr và bà T.

+ Diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004 2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T và những người thừa kế của ông Tr.

- Ông S hưởng toàn bộ di sản của bà T theo di chúc ngày 06/9/2012.

- Ông S hưởng 01/22 di sản của ông Tr và hưởng 01/22 di sản của ông Tr (phần bà T hưởng thừa kế của ông Tr) theo pháp luật.

Ông S đồng ý nhận hiện vật và thanh toán lại giá trị cho các đồng thừa kế khác.

Ông S rút một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 4.768,4m² thuộc thửa số 4108 tờ bản đồ số 09 Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01095/QSDĐ/Q12/2004 ngày 06/01/2004 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T.

Ông S không yêu cầu công sức gìn giữ, tôn tạo di sản.

Bị đơn ông Phạm Văn Q trình bày:

Đồng ý về nhân thân, ông bà, cha mẹ, anh chị em như trình bày của ông S.

Đồng ý ông Tr và bà T chết có để lại tài sản là:

- Nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng 195,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Tr và bà T.

- Diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004 - 2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T và những người thừa kế của ông Tr.

Ông S khởi kiện yêu cầu được hưởng tài sản của bà T theo di chúc và hưởng tài sản của ông Tr theo pháp luật, ông Q không đồng ý vì:

Bản di chúc của bà T lập ngày 06/9/2012 tại Văn phòng luật sư Đ nhưng tại thời điểm lập di chúc bà T sức khỏe yếu, không còn minh mẫn, hai người làm chứng không khách quan, Văn phòng luật sư Đ không có lưu bản di chúc này.

Ông Q đồng ý Tòa án chia thừa kế di sản của ông Tr, bà T theo pháp luật như sau:

- Diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004-2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T và những người thừa kế của ông Tr, yêu cầu chia đều cho 10 người con của ông Tr, bà T, mỗi người 1/10, Ông Quát không đồng ý nhận tiền, chỉ nhận 1/10 diện tích đất.

- Nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng 195,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Tr và bà T. Ông Quát không đồng ý chia thừa kế theo di chúc và theo pháp luật, yêu cầu cho 10 người con của ông Tr, bà T cùng đồng sở hữu, đồng ý cho ông S tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất trên.

Đối với phần di sản ông S đã rút yêu cầu, ông Q không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B, bà D, ông C, bà H, bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1) có ông Nguyễn Thế C đại diện trình bày:

Đồng ý về nhân thân, ông bà, cha mẹ, anh chị em như trình bày của ông S. Đồng ý ông Tr và bà T chết có để lại tài sản là:

- Nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng 195,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Tr và bà T.

- Diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004 2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T và những người thừa kế của ông Tr.

Ông S khởi kiện yêu cầu được hưởng tài sản của bà T theo di chúc và hưởng tài sản của ông Tr theo pháp luật; ông B, bà D, ông C, bà H, bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1) có ý kiến như sau:

- Thừa nhận bản di chúc ngày 06/9/2012 của bà T.
- Đồng ý khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản của ông S.
- Đồng ý ông S nhận sở hữu di sản, ông S giao lại phần hưởng của thừa kế khác theo kỹ phần được hưởng.

Đối với phần di sản ông S đã rút yêu cầu, ông B, bà D, ông Can, bà H, bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1) không có ý kiến.

Ngày 19/01/2021, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B, bà D, ông C, bà H đã lập biên bản làm việc có nội dung:

Ông B, bà D, ông C, bà H xác định là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ việc tranh chấp về thừa kế tài sản được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý số 649/2017/TLST – DS ngày 28/6/2017.

Ông B, bà D, ông C, bà H thể hiện ý kiến của mình như sau:

- Đồng ý toàn bộ nội dung bản Di chúc của bà Trần Thị T lập ngày 06/9/2012 tại Văn phòng luật sư Đ.

- Ông B, bà D, ông C, bà H thống nhất đồng ý với toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc S là nguyên đơn trong vụ án.

- Ông B, bà D, ông C, bà H đồng ý tặng cho toàn bộ phần thừa kế mà ông B, bà D, ông C, bà H được hưởng theo phán quyết của Tòa án có thẩm quyền trong vụ án nêu trên cho em của ông B, bà D, ông C, bà H là ông Phạm Ngọc S là nguyên đơn trong vụ án. Cam kết không khiếu nại việc tặng cho ông Phạm Ngọc S phần thừa kế do cha mẹ chết để lại.

Biên bản làm việc ngày 19/01/2021 của ông B, bà D, ông C, bà H đã được lập vi bằng số 53/2021/VB-TPL ngày 19/01/2021 của Văn phòng Thừa phát lại

G.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông L, ông T, ông T1 có ông Phạm Văn Q đại diện trình bày:

Đồng ý về nhân thân, ông bà, cha mẹ, anh chị em như trình bày của ông S.

Đồng ý ông Tr và bà T chết có để lại tài sản là:

- Nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng 195,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Tr và bà T.

- Diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004 2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T và những người thừa kế của ông Tr.

Ông S khởi kiện yêu cầu được hưởng tài sản của bà T theo di chúc và hưởng tài sản của ông Tr theo pháp luật; ông L, ông T, ông Tét không đồng ý vì:

Bản di chúc của bà T lập ngày 06/9/2012 tại Văn phòng luật sư Đ nhưng tại thời điểm lập di chúc bà T sức khỏe yếu, không còn minh mẫn, hai người làm chứng không khách quan, Văn phòng luật sư Đ không có lưu bản di chúc này.

Ông L, ông T, ông T1 đồng ý Tòa án chia thừa kế di sản của ông Tr, bà T theo pháp luật như sau:

- Diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004 2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T và những người thừa kế của ông Tr, yêu cầu chia đều cho 10 người con của ông Tr, bà T, mỗi người 1/10. Ông L, ông T, ông T1 không đồng ý nhận tiền, chỉ nhận mỗi người 1/10 diện tích đất.

- Nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng 195,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Tr và bà T. Ông L, ông T, ông T1 không đồng ý chia thừa kế theo di chúc và theo pháp luật, yêu cầu cho 10 người con của ông Tr, bà T cùng đồng sở hữu, đồng ý cho ông S tiếp tục quản lý, sử dụng nhà đất trên.

Đối với phần di sản ông S đã rút yêu cầu, ông L, ông T, ông T1 không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thiên K cũng là người đại diện hợp pháp của hai trẻ Phạm Ngọc Tuấn A và trẻ Phạm Ngọc Thiên Ng trình bày:

Bà K là vợ của ông Phạm Ngọc Sanh, vợ chồng cùng hai con nhỏ Phạm Ngọc Tuấn A và Phạm Ngọc Thiên Ng đang cư trú và sinh sống tại nhà số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà K biết ông S đang tranh chấp thừa kế các tài sản của bà T và ông Tr chết để lại, trong đó có căn nhà và đất số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà K xác định các tài sản ông S đang tranh chấp có nguồn gốc do bà T và ông Tr tạo lập, Bà K không có đóng góp gì trong khối tài sản này. Vì vậy, Bà K không có yêu cầu giải quyết vấn đề gì liên quan đến khối tài sản này.

Người làm chứng ông Phùng Văn Tr trình bày:

Ông Tr1 là người đại diện của Văn phòng Luật sư Đ, địa chỉ số A81 đường L, phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 06/9/2012, bà Trần Thị T đã liên hệ với Văn phòng luật sư Đ để lập di chúc. Theo yêu cầu của bà T, Văn phòng luật sư Đ đã tiến hành soạn thảo di chúc liên quan đến các tài sản sau:

- Tài sản chung của bà T với chồng là ông Phạm Văn Tr (chết năm 2000) là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 44-4, tờ bản đồ số 9A, tọa lạc tại địa chỉ số 48/4 khu phố 3, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 12045 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2003.

- Tài sản riêng do bà T tạo lập sau khi ông Phạm Văn Tr chết là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 516, tờ bản đồ số 4 (theo tài liệu 2004-2005) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CHO0322 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28/4/2010.

Theo ý chí, nguyện vọng của bà T, sau khi bà T qua đời, toàn bộ tài sản bao gồm tài sản trong khối tài sản chung với chồng và tài sản riêng của bà T để lại cho con bà T là ông Phạm Ngọc S. Kể từ ngày được hưởng di sản, ông S có toàn quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với di sản của bà T nói trên.

Ông Tr1 là một trong những người làm chứng cho di chúc của bà T tại thời điểm đó, Ông Tr1 không thuộc những người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của bà T, không phải là người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan đến nội dung di chúc.

Ông Tr1 đã trực tiếp chứng kiến bà T lập di chúc, tự nguyện ký tên và lấn tay trên di chúc, bà T lập di chúc trong trạng thái tinh thần minh mẫn, sức khỏe tốt, không bị lừa dối, ép buộc. Ông Tr1 xác nhận, trước khi ký tên và đóng dấu chứng nhận cho việc lập di chúc của bà T, Ông Tr1 đã làm rõ nguyện vọng và ý chí của bà T.

Đối với bản chính di chúc, trước đây Văn phòng luật sư Đ đã lưu giữ một

(01) bản, tuy nhiên do thay đổi địa chỉ trụ sở nên trong quá trình di dời nhiều giấy tờ tài liệu đã bị thất lạc, trong đó có bản chính di chúc của bà T lập ngày 06/9/2012.

Về giá trị nhà đất tranh chấp: Tại biên bản định giá tài sản ngày 25/5/2018, giá trị nhà đất tranh chấp cụ thể như sau:

+ Nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng 195,7m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh:

- Giá trị đất: $30.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 342,2\text{m}^2 = 10.266.000.000\text{đ}$ (Mười tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng);

- Giá trị xây dựng: $195,7\text{m}^2 \times 2.900.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 117,08\% \times 70\% = 465.124.887\text{đ}$ (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu một trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm tám mươi bảy đồng).

Tổng cộng giá trị nhà đất tại số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh là $10.266.000.000\text{đ} + 465.124.887\text{đ} = 10.731.124.887\text{đ}$ (Mười tỷ bảy trăm ba mươi một triệu một trăm hai mươi bốn ngàn tám trăm tám mươi bảy đồng).

+ Diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004-2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh: $547\text{m}^2 \times 20.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 10.940.000.000\text{đ}$ (Mười tỷ chín trăm bốn mươi triệu đồng).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 357/2022/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên xử:

I. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc S yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 4768,4m² thuộc thửa số 4108 tờ bản đồ số 09 Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01095/QSDĐ/Q12/2004 ngày 06/01/2004 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

II. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc S đối với ông Phạm Văn Q, cụ thể:

- Người thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Văn Tr gồm: Bà Trần Thị T (chết ngày 22/11/2012), ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Ngọc D, ông Phạm Ngọc C, ông Phạm Văn Q, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Ngọc S, bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1).

- Người thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị T gồm: Ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Ngọc D, ông Phạm Ngọc C, ông Phạm Văn Q, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Ngọc S, bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1).

- Công nhận di chúc ngày 06/9/2012 của bà Trần Thị T hợp pháp, có hiệu lực pháp luật. Người thừa kế theo di chúc ngày 06/9/2012 của bà Trần Thị T là ông Phạm Ngọc S.

- Di sản của ông Phạm Văn Tr:

+ 11/22 nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa Số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng 195,7m², theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ 11/22 diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004-2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phân chia di sản của ông Phạm Văn Tr:

Chia cho người thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Văn Tr gồm: Bà Trần Thị T (chết ngày 22/11/2012), ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Ngọc D, ông Phạm Ngọc C, ông Phạm Văn Q, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn Tươi, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Ngọc S, bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1), cụ thể mỗi người được chia 01/22 nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng 195,7m² và 01/22 diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004-2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Di sản của bà Trần Thị T:

+ 12/22 (có 01/22 là phần bà T hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Tr) nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng 195,7m², theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ 12/22 (có 01/22 là phần bà T hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Tr) diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004 2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phân chia di sản của bà Trần Thị T: Ông Phạm Ngọc S được thừa kế theo di chúc của bà Trần Thị T lập ngày 06/9/2012 là 12/22 (có 01/22 là phần bà Trần Thị T hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Văn Tr) nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và 12/22 (có 01/22 là phần bà Trần Thị T hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Văn Tr) diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004-2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn B, bà Phạm Thị Ngọc D, ông Phạm Ngọc C, bà Phạm Thị H tặng cho toàn bộ phần hưởng thừa kế theo pháp luật di sản của ông Phạm Văn Tr cho ông Phạm Ngọc S theo Vi bằng số 53/2021/VB-TPL ngày 19/01/2021 của Văn phòng Thừa phát lại G lập.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1) tặng cho toàn bộ phần hưởng thừa kế theo pháp luật di sản của ông Phạm Văn Tr cho ông Phạm Ngọc S.

- Giao cho ông Phạm Ngọc S toàn quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, quyền sử dụng đất, quyền định đoạt phần di sản của ông Phạm Văn Tr và bà Trần Thị T là nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004-2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Phạm Ngọc S có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1, cụ thể mỗi người là 01/22 giá trị nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa Số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng 195,7m² và giá trị 01/22 diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004-2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Giá trị nhà, đất theo tỷ lệ được phân chia như đã nêu trên được tính tại thời điểm thi hành án sau khi trừ các chi phí, phí, lệ phí thi hành án, theo quy định của pháp luật.

Ngay khi ông Phạm Ngọc S thi hành xong nghĩa vụ thanh toán cho ông

Phạm Văn L, ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1; Ông Phạm Ngọc S được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục đăng ký quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, quyền sử dụng đất, chỉnh lý biên động sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Ngọc S chậm thi hành hoặc không thi hành, thì phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/4/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng xem xét di chúc của bà Trần Thị T là không phù hợp về hình thức và nội dung, đồng thời việc tính án phí của Tòa án cấp sơ thẩm không đúng.

Ngày 08/4/2022, Tòa án cấp sơ thẩm nhận được đơn kháng cáo (đơn đề ngày 05/4/2022) của bị đơn ông Phạm Văn Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn L với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Cấp sơ thẩm không tổng đạt đầy đủ cho bị đơn, không giám định tờ di chúc, sử dụng biên bản định giá năm 2018 là quá thấp so với giá đất hiện nay là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án để sơ thẩm xét xử lại.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Cấp sơ thẩm đã tổng đạt hợp lệ, ông Q tham gia đầy đủ các buổi hòa giải, xét xử sơ thẩm. Về giá thì tại cấp sơ thẩm không ai có ý kiến nên không đặt ra vấn đề xem xét. Hai người làm chứng khách quan, không liên quan với người thừa hưởng di sản đã xác định rõ bà T có đầy đủ sức khỏe, làm chứng đúng quy định nên đề nghị công nhận di chúc. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, bác kháng nghị và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

- Về nội dung: Bị đơn có kháng cáo nhưng không có chứng cứ mới, hình

thức di chúc có vi phạm như không có số thứ tự, người lập di chúc không ký từng trang. Về nội dung di chúc, bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ di chúc là không có cơ sở vì ông Tr chết năm 2000. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa án theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật, tính lại án phí của ông S phải tính trên tổng số giá trị di sản ông S được hưởng. Về kháng cáo của bị đơn yêu cầu giám định và định giá lại tài sản là không cần thiết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành đúng thời hạn theo quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1 đều làm trong hạn luật định, là hợp lệ. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1 theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Văn Q yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án từ cấp sơ thẩm, định giá lại tài sản tranh chấp và làm rõ chữ ký của bà Trần Thị Tư tại Di chúc 06/9/2012. Đối với yêu cầu định giá tài sản tranh chấp, do các đương sự không thống nhất được giá của tài sản tranh chấp, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá theo điểm b khoản 3 Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, và đã có kết quả định giá. Đối với yêu cầu làm rõ chữ ký của bà Trần Thị Tư tại Di chúc 06/9/2012, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cho đến trước phiên tòa phúc thẩm hôm nay, ông Q không có yêu cầu về vấn đề này, việc ông Q yêu cầu giám định chữ ký của bà Tư vào phiên tòa hôm nay làm kéo dài việc giải quyết vụ án và không cần thiết.

[2] Về nội dung: Ông Phạm Văn Tr (chết ngày 20/6/2000) và bà Trần Thị T (chết ngày 22/11/2012). Người thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Văn Tr gồm: Bà Trần Thị T, ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Ngọc D, ông Phạm Ngọc C, ông Phạm Văn Q, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Ngọc S, bà Lily NgọcH1 Luu (Phạm Ngọc H1). Người thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị T gồm: Ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Ngọc D, ông Phạm Ngọc C, ông Phạm Văn Q, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Ngọc S, bà Lily NgọcH1 Luu (Phạm Ngọc H1).

Các đương sự thống nhất đồng ý ông Tr và bà T tạo lập được tài sản là:

- Nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ

nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng $195,7m^2$ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Tr và bà T.

- Diện tích đất $547m^2$ thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004- 2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T và những người thừa kế của ông Tr.

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, các tài sản được nêu trên là tài sản chung của vợ chồng ông Phạm Văn Tr và bà Trần Thị T thuộc sở hữu chung hợp nhất. Như vậy, ông Tr, bà T, mỗi người sở hữu 1/2 khối tài sản trong khối tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất.

Ông Phạm Ngọc S khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Tr và bà T. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông Phạm Ngọc S rút một phần yêu cầu khởi kiện: Không yêu cầu chia thừa kế diện tích đất $4.768,4m^2$ thuộc thửa số 4108 tờ bản đồ số 09 Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01095/QSDĐ/Q12/2004 ngày 06/01/2004 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện này của ông S là đúng quy định pháp luật.

Ông Phạm Văn Tr chết ngày 20/6/2000, không có di chúc. Di sản mà ông Tr để lại gồm:

- 1/2 nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất $342,2m^2$ thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng $195,7m^2$

- 1/2 diện tích đất $547m^2$ thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004-2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo trích lục giấy khai sinh của các đương sự và nhân thân của ông Tr thì cha mẹ của ông Tr đã chết trước ông Tr. Như vậy, những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Tr được hưởng di sản thừa kế của ông Tr là bà Trần Thị T (vợ ông Tr) và 10 người con chung gồm: Ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Ngọc D, ông Phạm Ngọc C, ông Phạm Văn Q, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Ngọc S, bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1). Cụ thể mỗi người thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Văn Tr nêu trên được chia 01/22 nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất $342,2m^2$ thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng $195,7m^2$ và 01/22 diện tích đất $547m^2$ thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004-2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị T chết ngày 22/11/2012. Di sản của bà T là 12/22 (có 01/22 là phần bà T hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Tr) nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng 195,7m² và 12/22 (có 01/22 là phần bà T hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Tr) diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004-2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước đó, vào ngày 06/9/2012, bà Trần Thị T lập di chúc định đoạt tài sản của mình cho người khác sau khi chết. Bản di chúc của bà Trần Thị T lập ngày 06/9/2012 được thể hiện bằng văn bản, có hai người của Văn phòng Luật sư Đ làm chứng là phù hợp Điều 649, Khoản 2 Điều 650 Bộ luật Dân sự năm 2005. Tại di chúc của bà T lập ngày 06/9/2012, có hai trang, trang đầu và trang cuối, không đánh số thứ tự, bà T không ký tên hoặc điểm chỉ vào trang đầu. Tuy nhiên, di chúc được lập tại Văn phòng Luật sư Đ là một pháp nhân (Tổ chức nghề nghiệp) theo quy định của pháp luật, Văn phòng Luật sư Đ đã cử hai người của Văn phòng Luật sư Đ làm chứng (hai người làm chứng đều không có quyền, nghĩa vụ liên quan đến nội dung của di chúc) và đã đóng dấu giáp lai trang đầu và trang cuối của di chúc bà T lập. Việc đóng dấu giáp lai của Văn phòng Luật sư Đ đúng quy định tại Khoản 4 Điều 26 Nghị định 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ nhằm mục đích xác định trang đầu và trang cuối của di chúc bà T lập có thông tin con dấu của Văn phòng Luật sư Đ để xác thực thông tin, tính chân thực, tính khách quan của di chúc nhằm ngăn ngừa thông tin giả mạo hay hành vi thay đổi, sửa đổi nội dung di chúc gốc về sau. Như vậy, việc đóng dấu Văn phòng Luật sư Đ giáp lai trên trang đầu và trang cuối của di chúc bà T lập ngày 06/9/2012 là hợp pháp, đúng pháp luật.

Ông Phạm Văn Q cho rằng tại thời điểm lập di chúc, bà T sức khỏe yếu, không còn minh mẫn nhưng không có chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận. Ngoài ra, ông Phạm Văn Q trình bày hiện nay Văn phòng Luật sư Đ không có lưu bản di chúc của bà T lập ngày 06/9/2012, tuy nhiên, pháp luật không quy định người làm chứng cho việc lập di chúc phải lưu giữ di chúc nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của ông Phạm Văn Q về vấn đề này.

Bên cạnh đó, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B, bà D, ông C, bà H, bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1) là người thừa kế của bà T cũng thừa nhận di chúc bà T lập ngày 06/9/2012.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định Di chúc ngày 06/9/2012 của bà T hợp pháp và có hiệu lực là có căn cứ, đúng pháp luật nên không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và kháng cáo của ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1 cho rằng Di chúc không hợp pháp.

Bản di chúc của bà Trần Thị T lập ngày 06/9/2012 có nội dung bà Trần Thị T xác định có tài sản gồm:

- Khối tài sản chung với chồng là ông Phạm Văn Tr (đã chết năm 2000) là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 44-4 tờ bản đồ số 9A tại địa chỉ số 48/4 Khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 do Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/11/2003.

- Tài sản riêng là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 516 tờ bản đồ số 04 (theo tài liệu 2004 - 2005) đã được Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010.

Sau khi bà T chết (ngày 22/11/2012), các tài sản này do ông S đang gìn giữ. Tại di chúc của bà T lập ngày 06/9/2012 thể hiện ý chí, nguyện vọng của bà T: Sau khi bà T qua đời, toàn bộ tài sản của bà T trong khối tài sản chung với chồng và tài sản riêng của bà T nói trên bà T để lại cho con tên Phạm Ngọc S.

Đối với di sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 44-4 tờ bản đồ số 9A tại địa chỉ số 48/4 Khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí, ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1 không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật và không đồng ý chia thừa kế theo di chúc, đề nghị giữ di sản này để dùng thờ cúng ông bà, cha mẹ. Tuy nhiên, ông Phạm Văn Tr và bà Trần Thị T không có di chúc để lại di sản này dùng vào việc thờ cúng và những người thừa kế của ông Phạm Văn Tr và bà Trần Thị T cũng không thống nhất thỏa thuận di sản này dùng vào việc thờ cúng nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến này của ông Q, ông L, ông T, ông T1.

Đối với di sản là diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004-2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1 yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật và nhận phần diện tích đất được chia. Xét thấy, diện tích đất 547m² mục đích sử dụng đất là đất trồng cây hàng năm khác là đất nông nghiệp, không đủ điều kiện tách thửa theo quy định tại Quyết định số 60/2017/QĐ-UBND ngày 05/12/2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận ý kiến này của ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1 là phù hợp.

Trên cơ sở phân tích trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận khởi kiện của ông Phạm Ngọc S về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Phạm Văn Tr và yêu cầu chia thừa kế theo di chúc đối với di sản của bà Trần Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Như vậy, chia thừa kế theo pháp luật di sản của ông Phạm Văn Tr cho bà Trần Thị T (chết ngày 22/11/2012), ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Ngọc D, ông Phạm Ngọc C, ông Phạm Văn Q, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Ngọc S, bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1), mỗi người được hưởng 01/22 nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành

phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng 195,7m² và 01/22 diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004-2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chia thừa kế theo di chúc di sản của bà Trần Thị T cho ông Phạm Ngọc S là 12/22 nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng 195,7m² và 12/22 diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004-2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, hai di sản của ông Phạm Văn Tr và bà Trần Thị T do ông S đang quản lý, sử dụng, phần diện tích đất nông nghiệp không đủ điều kiện tách thửa nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông S xin nhận toàn bộ hai di sản và thanh toán lại giá trị phần hưởng của những người thừa kế khác là phù hợp.

Tại Biên bản làm việc ngày 19/01/2021 của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông B, bà D, ông C, bà H đã được Văn phòng Thừa phát lại G lập Vi bằng số 53/2021/VB-TPL ngày 19/01/2021 có nội dung: Ông B, bà D, ông C, bà H đồng ý tặng cho toàn bộ phần thừa kế mà ông B, bà D, ông C, bà H được hưởng theo phán quyết của Tòa án cho là ông Phạm Ngọc S. Tại phiên tòa, người đại diện ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1) thừa nhận bản di chúc của bà T lập ngày 06/9/2012 và bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1) đồng ý tặng cho toàn bộ phần thừa kế mà bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1) được hưởng của ông Phạm Văn Tr theo phán quyết của Tòa án có thẩm quyền trong vụ án nêu trên cho ông Phạm Ngọc S. Do vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện của ông B, ông Dung, ông C, bà H, bà Lily NgocH1 Luu về nội dung này.

Theo đơn kháng cáo, ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1 cho rằng kết quả định giá mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng để chia thừa kế di sản của ông Phạm Văn Tr là quá thấp, không phù hợp với thực tế, không bảo đảm quyền lợi cho đương sự.

Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm đã trưng cầu đơn vị định giá độc lập là Công ty TNHH Định giá C. Tuy nhiên, ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1 vẫn không đồng ý với kết quả định giá của Công ty TNHH Định giá C. Căn cứ vào điểm b khoản 3 Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá (Quyết định số 64/2022/QĐ-ĐG). Theo Biên bản định giá tài sản ngày 09/12/2023, kết quả định giá như sau: Tổng giá trị quyền sử dụng đất là: 20.799.000.000 đồng. Đối với giá trị phần xây dựng, Hội đồng định giá không kết luận cụ thể.

Như vậy, giá trị tài sản tranh chấp theo Biên bản định giá tài sản ngày 09/12/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thấp hơn

giá trị tài sản theo Biên bản định giá tài sản ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Do trong vụ án này, các đương sự không thỏa thuận được giá tài sản, không thống nhất được tổ chức thẩm định giá tài sản, nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và để đảm bảo có lợi cho các bị đơn là những người kháng cáo, Hội đồng xét xử sử dụng mức giá được định giá theo Biên bản định giá tài sản ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để làm căn cứ giải quyết vụ án là phù hợp.

Tại Biên bản định giá tài sản ngày 25/5/2018, giá trị nhà đất tranh chấp cụ thể như sau:

+ Nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất $342,2\text{m}^2$ thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng $195,7\text{m}^2$ theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh:

-Giá trị đất: $30.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 342,2\text{m}^2 = 10.266.000.000\text{đ}$ (Mười tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng);

-Giá trị xây dựng: $195,7\text{m}^2 \times 2.900.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 117,08\% \times 70\% = 465.124.887\text{đ}$ (Bốn trăm sáu mươi lăm triệu một trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng).

Tổng cộng giá trị nhà đất tại số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh là $10.266.000.000\text{đ} + 465.124.887\text{đ} = 10.731.124.887\text{đ}$ (Mười tỷ bảy trăm ba mươi một triệu một trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng).

+ Diện tích đất 547m^2 thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004-2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh: $547\text{m}^2 \times 20.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 10.940.000.000\text{đ}$ (Mười tỷ chín trăm bốn mươi triệu đồng).

Tổng giá trị hai di sản là: $10.731.124.887\text{đ} + 10.940.000.000\text{đ} = 21.671.124.887\text{đ}$ (Hai mươi một tỷ sáu trăm bảy mươi một triệu một trăm hai mươi bốn nghìn tám trăm tám mươi bảy đồng).

Giá trị 01/22 của hai di sản là: $21.671.124.887\text{đ} : 22 = 985.051.131\text{đ}$ (Chín trăm tám mươi lăm triệu không trăm năm mươi một nghìn một trăm ba mươi một đồng).

Như vậy, ông Phạm Ngọc S phải thanh toán lại cho ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1 mỗi người 985.051.131 đồng giá trị phần di sản thừa kế được hưởng.

[4] Về án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng:

Các chi phí tố tụng do ông Phạm Ngọc S tạm ứng, ông S đồng ý chịu toàn

bộ nên ghi nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Những người thừa kế được hưởng di sản phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật trên phần di sản được hưởng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phạm Ngọc S đồng ý chịu án phí dân sự sơ thẩm của các ông bà Bằng, bà D, ông C, bà H, bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1) nên Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận sự tự nguyện của ông S là phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, án phí mà Tòa án cấp sơ thẩm buộc các đương sự phải chịu là có sai sót như kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm về án phí.

[5] Trên cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1; có căn cứ chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

[6] Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 28, 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1. Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 357/2022/DS-ST ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về án phí.

I/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc S yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 4.768,4m² thuộc thửa số 4108 tờ bản đồ số 09 Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01095/QSĐĐ/Q12/2004 ngày 06/01/2004 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

II/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc S đối với ông Phạm Văn Q, cụ thể:

- Xác định người thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Văn Tr gồm: Bà Trần Thị T (chết ngày 22/11/2012), ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Ngọc D, ông Phạm Ngọc C, ông Phạm Văn Q, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Ngọc S, bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1).

- Xác định người thừa kế theo pháp luật của bà Trần Thị T gồm: Ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Ngọc D, ông Phạm Ngọc C, ông Phạm Văn Q, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Ngọc S, bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1).

- Công nhận di chúc ngày 06/9/2012 của bà Trần Thị T hợp pháp, có hiệu lực pháp luật. Người thừa kế theo di chúc ngày 06/9/2012 của bà Trần Thị T là ông Phạm Ngọc S.

- Di sản của ông Phạm Văn Tr gồm:

+ 11/22 nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng 195,7m², theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ 11/22 diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004-2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phân chia di sản của ông Phạm Văn Tr:

Chia cho người thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Văn Tr gồm: Bà Trần Thị T (chết ngày 22/11/2012), ông Phạm Văn B, ông Phạm Văn L, bà Phạm Thị Ngọc D, ông Phạm Ngọc C, ông Phạm Văn Q, bà Phạm Thị H, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1, ông Phạm Ngọc S, bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1), cụ thể mỗi người được chia 01/22 nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09 A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng 195,7m² và 01/22 diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004-2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Di sản của bà Trần Thị T:

+ 12/22 (có 01/22 là phần bà T hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Tr) nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, nhà ở diện tích xây dựng 195,7m², theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ 12/22 (có 01/22 là phần bà T hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Tr) diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004- 2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Phân chia di sản của bà Trần Thị T:

Ông Phạm Ngọc S được thừa kế theo di chúc của bà Trần Thị T lập ngày 06/9/2012 là 12/22 (có 01/22 là phần bà Trần Thị T hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Văn Tr) nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và 12/22 (có 01/22 là phần bà Trần Thị T hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Phạm Văn Tr) diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004-2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phạm Văn B, bà Phạm Thị Ngọc D, ông Phạm Ngọc C, bà Phạm Thị H tặng cho toàn bộ phần hưởng thừa kế theo pháp luật di sản của ông Phạm Văn Tr cho ông Phạm Ngọc S theo Vi bằng số 53/2021/VB - TPL ngày 19/01/2021 của Văn phòng Thừa phát lại G lập.

- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lily NgocHue Luu (Phạm Ngọc H1) tặng cho toàn bộ phần hưởng thừa kế theo pháp luật di sản của ông Phạm Văn Tr cho ông Phạm Ngọc S.

- Giao cho ông Phạm Ngọc S toàn quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, quyền sử dụng đất, quyền định đoạt phần di sản của ông Phạm Văn Tr và bà Trần Thị T là nhà đất tại địa chỉ số 48/4 khu phố 4, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích đất 342,2m² thuộc thửa số 44-4 tờ bản đồ số 09A (Sơ đồ nền) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh và diện tích đất 547m² thuộc thửa số 516 tờ bản đồ số 04 (Tài liệu năm 2004-2005) Bộ địa chính phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Phạm Ngọc S có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1, mỗi người 985.051.131 đồng (Chín trăm tám mươi lăm triệu không trăm năm mươi một nghìn một trăm ba mươi một đồng).

Ngay khi ông Phạm Ngọc S thi hành xong nghĩa vụ thanh toán cho ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1; Ông Phạm Ngọc S được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để tiến hành các thủ tục đăng ký quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, quyền sử dụng đất, chỉnh lý biên động sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12045 ngày 20/11/2003 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành

phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00322 ngày 28/4/2010 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ ngày ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1, có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Phạm Ngọc S chậm thi hành hoặc không thi hành, thì phải chịu tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

III/. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng sơ thẩm:

1/. Chi phí tố tụng sơ thẩm ông Phạm Ngọc S tự nguyện chịu và đã thực hiện xong.

2/. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Ngọc S phải chịu $119.820.614đ + (41.552.400đ \times 5) = 207.762.000đ$ là án phí dân sự sơ thẩm của ông Phạm Văn B, bà Phạm Thị Ngọc D, ông Phạm Ngọc C, bà Phạm Thị H, bà Lily NgocH1 Luu (Phạm Ngọc H1) phải chịu). Tổng cộng ông Phạm Ngọc S phải chịu là 327.578.283 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông Phạm Ngọc S đã nộp 57.500.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0034339 ngày 02/6/2017 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Phạm Ngọc S phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm là 270.078.283đ (Hai trăm bảy mươi triệu không trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm tám mươi ba đồng).

- Ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn T1, mỗi người phải chịu 41.551.534 (Bốn mươi một triệu năm trăm năm mươi một nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng).

IV/. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn L, ông Phạm Văn T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn lại cho ông Phạm Văn T1, ông Phạm Văn Q, ông Phạm Văn T, ông Phạm Văn L, mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0002111, 0002112, 0002113, 0002114 cùng ngày 10/05/2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

V/. Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

VI/. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thúy Hòa Dương Tuấn Vinh

Trần Thị Thu Thủy

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- ĐS (13);
- Lưu VP(3), HS(2).23b.TVN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy